

Name:..... Class:.....

REVIEW THE FIRST SEMESTER

THEME 1+ THEME 2

Write number 1 to 20

Write word:

<u>30:</u>	<u>40:</u>	<u>50:</u>	<u>60</u>
<u>70:</u>	<u>80:</u>	<u>90:</u>	<u>100:</u>
<u>43:</u>	<u>68:</u>	<u>52:</u>	<u>29:</u>

Vietnamese	English
1.hình vuông	
2.hình tròn	
3.hình tam giác	
4. hình chữ nhật	
5.hình ngôi sao	
6.hình bầu dục	
7.sữa	
8.nước ép trái cây	
9.thịt gà	
10. thịt bò	

11. số cô là	
12. nhiều	
13. 1 ít	
14. số điện thoại	
15. chuyển đi thực tế	
16. Hội chợ ở trường	
17. Tiết học Mỹ Thuật	
18. trước	
19. sau	
20. bên dưới	
21. bên trên	
22. phía trước	
23. phía sau	
24. bên trong	
25. kế bên	
26. ở giữa	
27. môn Toán	
28. môn Tiếng Anh	
29. Môn Âm nhạc	
30. môn Thể Dục	
31. môn Tiếng Việt	
32. môn Vẽ	
33. Thứ 2	
34. Thứ 3	

35.Thứ 4	
----------	--

36. Thứ 7	
37. Chủ Nhật	
38.vẽ tranh	
39.đọc sách	
40.đánh vần	
41.làm bài kiểm tra	
42.nghe nhạc	
43.tập thể dục	
44.tặng quà	
45. mua hoa	
46.làm thiệp	
47.hát 1 bài hát	
48. mua bánh	
49. ngày Nhà Giáo	
50. môn học yêu thích	

51. lớp học	
52. dọn dẹp	
53. tủ đựng đồ	
54. ghế	
55. cặp đi học	
56. quạt	
57. bút chì	
58. bóp viết	
59. cục tẩy	
60. bút màu	
61. quyển sách	
62. quyển vở	
63. cái bàn học	
64. cái hộp	
65. thời khóa biểu	
66. cá	
67. đồ uống	